



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 11

Số 85 (15/11/2008)

## MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

### THÀNH PHỐ

- |            |   |    |
|------------|---|----|
| 27-10-2008 | Quyết định số 4570/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11 đến năm 2020.  | 3  |
| 28-10-2008 | Quyết định số 4572/QĐ-UBND về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2000) khu dân cư phường An Phú (giáp với khu Liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc, diện tích khoảng 36ha), quận 2.   | 10 |
| 29-10-2008 | Quyết định số 77/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về định mức chi phí lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 19 |
| 29-10-2008 | Quyết định số 4610/QĐ-UBND về việc đặt tên đường mới và sửa đổi tên đường.  | 27 |

- 30-10-2008 - Quyết định số 78/2008/QĐ-UBND về ban hành Quy chế quản lý công cụ hỗ trợ trang bị cho lực lượng bảo vệ chuyên trách của các tổ chức tín dụng hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 30

## **SỞ XÂY DỰNG**

- 27-10-2008 - Thông báo số 7581/TB-SXD-QLNLHNXD hướng dẫn nộp hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ môi giới bất động sản, chứng chỉ định giá bất động sản. 38

**THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4570/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2008*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung  
xây dựng quận 11 đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP, ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch-xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2007/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng nhân dân quận 11 về việc thông qua nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 2063/TTr-SQHKT ngày 06 tháng 6 năm 2008 về nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11;

Xét nội dung hồ sơ phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11 do Viện Quy hoạch xây dựng thành phố lập,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11 với các nội dung chính như sau: (đính kèm hồ sơ lập quy hoạch chi tiết).

## **1. Vị trí giới hạn và phạm vi quy hoạch:**

### **1.1. Khu đất quy hoạch có các mặt giáp giới như sau:**

- Phía Đông : giáp quận 10 và quận 5;
- Phía Tây : giáp quận Tân Phú;
- Phía Nam : giáp quận 6;
- Phía Bắc : giáp quận Tân Bình và quận Tân Phú.

### **1.2. Quy mô diện tích đất và dân số nghiên cứu:**

1.2.1. Quy mô diện tích: quy mô diện tích đất quy hoạch điều chỉnh mới 513,94ha (so với diện tích đất quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 6860/QĐ-UB-QLĐT ngày 21 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố là 515,53ha, giảm 1,59ha do đo đạc lại vào tháng 3 năm 2000).

#### 1.2.2. Dân số nghiên cứu:

- + Hiện trạng 2005 : 225.915 người
- + Đến năm 2010 : 238.000 người
- + Đến năm 2015 : 244.000 người
- + Đến năm 2020 : 250.000 người.

### **1.3. Lý do điều chỉnh quy hoạch:**

Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận 11 đến năm 2020 trước đây đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6860/QĐ-UB-QLĐT ngày 21 tháng 12 năm 1998. Tuy nhiên trong quá trình quản lý và thực hiện quy hoạch trên địa bàn quận những vấn đề cần phải điều chỉnh như sau:

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của quận từ công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp là ngành kinh tế chủ lực, nay chuyển đổi sang thương mại - dịch vụ.

- Điều chỉnh về hệ thống giao thông, quy hoạch đồng bộ giữa việc mở đường, các nút giao thông kết hợp với quy hoạch chỉnh trang xây dựng mới các khu vực xung quanh.

- Một số các dự án và đồ án đã được phê duyệt làm thay đổi chức năng sử dụng đất của một số khu vực trên địa bàn quận.

- Cập nhật quy hoạch mạng lưới các ngành (y tế, giáo dục, thể dục thể thao, v.v...).

## **2. Tính chất và chức năng quy hoạch:**

Theo quy hoạch chung được duyệt năm 1998 chức năng của quận 11 là: quận nội thành mang chức năng dân dụng, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ, là trung tâm văn hóa - giải trí - thể dục thể thao của thành phố.

Chức năng điều chỉnh của quận là: dân dụng, thương mại - dịch vụ, du lịch, là một trong những trung tâm văn hóa - giải trí - thể dục thể thao của thành phố.

## **3. Định hướng quy hoạch:**

Điều chỉnh quy hoạch theo hướng giảm mật độ xây dựng, tăng tầng cao, dành đất để phát triển hạ tầng xã hội, ưu tiên xây dựng nhà cao tầng kết hợp chức năng ở và các loại hình dịch vụ qua việc kết hợp quy hoạch đồng bộ giữa công tác chỉnh trang giải tỏa xây dựng mới và phát triển mạng lưới giao thông.

### **3.1. Phân bố dân cư:**

Việc phân bố dân cư trên địa bàn quận không thay đổi so với quy hoạch chung năm 1998 đã phê duyệt, bao gồm 6 khu:

+ Khu ở 1: gồm phường 1, 3 và 10 với diện tích 131,02ha dân số dự kiến 51.000 người.

Chức năng chính là khu công viên văn hóa cấp thành phố, khu thương mại - dịch vụ và khu dân cư hiện hữu.

+ Khu ở 2: gồm phường 2 và 16 với diện tích: 50,25ha, dân số dự kiến: 29.800 người.

Chức năng chính là khu dân cư hiện hữu.

+ Khu ở 3: gồm phường 4, 6, 7 và 15 với diện tích 131,12ha, dân số dự kiến 55.000 người.

Chức năng chính là khu trung tâm thể dục thể thao cấp thành phố, khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang.

+ Khu ở 4: gồm phường 5 và 14 với diện tích 97,93ha, dân số dự kiến 55.000 người.

Chức năng chính là khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang.

+ Khu ở 5: gồm phường 8, 12 và 13 với diện tích 64,77ha, dân số dự kiến 34.200 người.

Chức năng chính là khu dân cư hiện hữu cải tạo.

+ Khu ở 6: gồm phường 9 và 11 với diện tích 38,85ha, dân số dự kiến 25.000 người.

Chức năng chính là khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang.

### **3.2. Trung tâm quận và các công trình công cộng:**

- Trung tâm hành chính quận: tại trục đường Bình Thới.

- Các trung tâm giao dịch - dịch vụ thương mại tập trung phát triển tại khu vực Trường đua Phú Thọ (đường 3 Tháng 2, Lê Đại Hành, Lãnh Binh Thăng) và dọc theo đường Hòa Bình, đường 3 Tháng 2.

- Công trình giáo dục: dự kiến xây dựng mới một số trường theo quy hoạch mạng lưới giáo dục.

- Trung tâm văn hóa - giải trí - du lịch bố trí dọc đường Lãnh Binh Thăng và tại khu vực Công viên Văn hóa Đầm Sen.

- Công trình y tế, thể dục thể thao: phát triển đồng bộ cho các khu ở, riêng khu thể dục thể thao Phú Thọ sẽ được quy hoạch thành khu liên hợp thể dục thể thao, thương mại - dịch vụ.

### **3.3. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:**

Tiếp tục di dời các xí nghiệp sản xuất ô nhiễm ra các khu cụm công nghiệp tập trung ngoài vùng ven thành phố và chuyển đổi sang chức năng khu công trình công cộng, công viên cây xanh, khu phức hợp. Duy trì một số cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp không gây ô nhiễm.

### **3.4. Công viên cây xanh:**

- Nâng cấp Công viên Văn hóa Đầm Sen hiện hữu.

- Mở rộng và hoàn thiện khu di tích Chùa Gò (phường 2) và đồn Cây Mai (phường 16).

- Bố trí các mảng xanh xen cài trong các khu nhà ở cao tầng dự kiến xây dựng mới và các khu phức hợp.

## **4. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật:**

### **4.1. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc đến năm 2020:**

. Dân số quy hoạch: 250.000 người

. Đất ở: 10,2 - 10,5m<sup>2</sup>/người

- . Đất công trình công cộng: 1,6 - 1,8m<sup>2</sup>/người
- . Đất công viên cây xanh: 2m<sup>2</sup>/người (tính luôn Công viên Văn hóa Đầm Sen).
- . Đất giao thông: 3,5 - 3,6m<sup>2</sup>/người.

#### **4.2. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:**

- + Cấp điện: điện sinh hoạt dân dụng: 2.500 - 3.000 kWh/người/năm
- + Cấp nước: nước sinh hoạt: 200 lít/người/ngày
- + Vệ sinh đô thị: rác sinh hoạt: 1 - 1,2kg/người/ngày.

### **5. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:**

#### **5.1. Giao thông:**

##### *- Giao thông đô thị:*

+ Các tuyến đường Hồng Bàng, 3 Tháng 2, Lý Thường Kiệt vừa có chức năng đối ngoại, vừa có chức năng đô thị. Cần xem xét, cân nhắc xác định là chức năng đường phố chính nội đô.

+ Thực hiện đúng lộ giới các tuyến đường đã được duyệt trong quy hoạch. Xây dựng các nút giao thông cùng cốt nhằm hạn chế đền bù giải tỏa.

+ Xem xét và đánh giá các tuyến đường quy hoạch đã duyệt trước đây theo hướng giữ lại hoặc điều chỉnh.

+ Xây dựng hoàn chỉnh lộ giới các hẻm trong quận.

##### *- Đầu mối giao thông và bến bãi:*

+ Xác định các nút giao thông chính cần cải tạo và không chế.

+ Xác định một số bến bãi khu vực phù hợp với quy hoạch hệ thống giao thông (Metro, đường sắt trên cao...).

##### *- Hệ thống đường trên cao:*

+ Có tuyến đường trên cao đi qua địa bàn quận 11 theo hành lang tuyến đường Tô Hiến Thành, Lữ Gia, Bình Thới, Lạc Long Quân (tuyến 2), lộ giới tối thiểu 30m.

##### *- Hệ thống đường sắt quốc gia:*

Hệ thống đường sắt trên cao từ Ga Hòa Hưng - Tân Kiên qua quận 11 có tuyến theo hành lang đường 3 Tháng 2 và Hồng Bàng theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2007.

- Hệ thống đường sắt đô thị:

+ Hệ thống tàu điện ngầm (metro) đi qua quận 11 có tuyến theo hành lang đường Tân Hóa.

### 5.2. Hệ thống cấp nước:

Sử dụng nguồn nước máy thành phố, chủ yếu dựa vào hệ thống cấp nước nhà máy nước Thủ Đức đưa về, ngoài ra còn được hòa mạng với hệ thống nhà máy nước ngầm Hóc Môn và Nhà máy nước sông Sài Gòn giai đoạn 1 (lưu lượng bổ sung khoảng 30.000m<sup>3</sup>/ngày).

### 5.3. Hệ thống thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

+ Thoát nước bản: sử dụng hệ thống cống thoát nước chung. Nước thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt được tách ra khỏi cống chung và được đưa vào các tuyến cống bao dọc theo kênh rạch để về nhà máy xử lý nước thải của thành phố.

+ Vệ sinh đô thị:

- Rác thải: duy trì hệ thống thu gom chất thải rắn hiện có và tăng cường xe vận chuyển rác thải từ điểm tiếp nhận rác đến khu xử lý rác tập trung của thành phố theo quy hoạch.

- Vệ sinh công cộng: dự kiến bố trí tại khu công trình công cộng trên các trục giao thông chính với khoảng cách tối thiểu là 2,5km.

### 5.4. Chuẩn bị kỹ thuật:

\* Quy hoạch chiều cao:

+ Cao độ nền xây dựng lựa chọn  $\geq 2,1$ m (cao độ chuẩn quốc gia Hòn Dấu).

+ Tôn nền khu vực xây mới có nền đất thấp.

+ Nâng dần nền đường, nền công trình khu hiện hữu kết hợp với việc cải tạo nạo vét nâng cấp các tuyến cống thoát nước mặt, giải quyết thoát nước mưa, chống tình trạng ngập úng.

\* Quy hoạch thoát nước mưa: kết hợp với dự án cải thiện môi trường nước và dự án nâng cấp đô thị lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm.

### 5.5. Hệ thống cấp điện:

+ Nguồn điện: cấp điện từ các trạm 110/15-22kV Chợ Lớn và Trường đua.

+ Lưới điện: lưới điện trung thế, hạ thế hiện hữu sẽ được cải tạo và thay dần bằng cáp ngầm, lưới hạ thế xây dựng mới dùng cáp ngầm. Xây dựng thêm lưới mới



cho các khu dân cư phát triển. Cải tạo các tuyến 110kV hiện có để đảm bảo an toàn cách điện.

**6. Một số vấn đề cần nghiên cứu khi lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung:**

- Trong định hướng phát triển đô thị cho giai đoạn ngắn hạn cần nghiên cứu đánh giá kỹ hiện trạng để có giải pháp khoét lõm kết hợp dự án giao thông hoặc sử dụng mặt bằng nhà xưởng di dời để xây dựng các khu nhà ở cao tầng nhằm giảm mật độ xây dựng tăng đất công viên cây xanh, công trình công cộng từng bước cải thiện các chỉ tiêu trên về công trình công cộng, công viên cây xanh trong tương lai.

- Tập trung triển khai chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn, xây dựng các khu nhà ở cao tầng phục vụ cho công tác di dời, tái định cư tại các hộ chung cư xuống cấp kết hợp với thực hiện việc chỉnh trang đô thị.

- Về quy hoạch cây xanh: ngoài diện tích quy hoạch cây xanh đã có trên địa bàn quận, cần nghiên cứu dành quỹ đất để xây dựng công viên cây xanh khi di dời các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng các dự án cao tầng trong tương lai.

- Cần phối hợp Sở Giao thông vận tải để cập nhật các dự án giao thông, hệ thống metro, tuyến đường trên cao đi qua địa bàn quận có phương án tổ chức không gian phù hợp.

- Cần nghiên cứu thiết kế đô thị đối với các tuyến đường chính liên quận tạo nên trục thương mại trung tâm văn hóa giải trí của quận.

**Điều 2.** Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ quy hoạch được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 11 và Viện Quy hoạch xây dựng thành phố triển khai thực hiện nghiên cứu đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 11 và trình duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 11 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4572/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết  
xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2000) khu dân cư phường An Phú  
(giáp với khu Liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc,  
diện tích khoảng 36ha), quận 2**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3513/TTr-SQHKT ngày 30 tháng 9 năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2.000) khu dân cư phường An Phú (giáp với khu Liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc, diện tích khoảng 36ha) - quận 2, với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Vị trí, diện tích và giới hạn khu đất quy hoạch:**

- Vị trí khu dân cư An Phú thuộc một phần của phường An Phú, quận 2.

Giới hạn như sau:

+ Phía Đông: giáp rạch Bà Đạt;

+ Phía Tây: giáp đường Nguyễn Thị Định (đại lộ Đông Tây, tỉnh lộ 25 cũ);

+ Phía Nam: giáp với dự án khu nhà ở Sông Giồng của Công ty Phát triển nhà Phú Nhuận;

+ Phía Bắc: giáp đường Vườn Trúc hiện hữu.

Diện tích khu vực lập quy hoạch chi tiết (1/2000): khoảng 35,7ha (357.296,56m<sup>2</sup>).

## **2. Lý do và sự cần thiết phải lập quy hoạch:**

- Quận 2 là một quận trung tâm mới có tốc độ đô thị hóa cao, cùng với sự phát triển về mặt kinh tế - xã hội thì bộ mặt đô thị quận 2 cũng đã có những bước chuyển biến đáng kể. Có vị trí kề cận trục đường Đông Tây (ngã ba Cát Lái) và phía Tây khu Liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc, khu dân cư phường An Phú cần phải có một pháp lý về quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 để quản lý và gắn kết quy hoạch tại khu vực.

- Việc lập quy hoạch chi tiết khu vực này sẽ là tiền đề để các cơ quan chuyên ngành có cơ sở quản lý cũng như đề ra các định hướng phát triển đô thị trong hiện tại cũng như các giai đoạn tiếp theo.

- Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 được thiết lập nhằm xác định một cơ cấu sử dụng đất và không gian kiến trúc cho một khu dân cư đô thị đồng bộ; chức năng chính cho khu đất là ở và công trình hạ tầng xã hội. Chức năng ở gồm xây dựng mới phục vụ kinh doanh, tái bố trí chỗ ở cho dự án Khu liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc và các dự án kế cận, một phần ở giữ lại chỉnh trang - cải tạo; hình thức ở chủ yếu là nhà ở cao tầng, nhà liên kế có sân vườn và nhà biệt thự.

- Việc định hướng quy hoạch đảm bảo sự phát triển phù hợp giữa quy hoạch chi tiết và quy hoạch chung toàn quận và khu vực, giữa quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với các dự án đầu tư, hài hòa giữa mục tiêu phát triển và mục tiêu bảo vệ môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội trong điều kiện đô thị hóa phát triển chung.

## **3. Mục tiêu của đồ án quy hoạch:**

- Quy hoạch khu đô thị có sự hài hòa và kết nối đồng bộ với khu vực xung quanh và khu đô thị mới Thủ Thiêm, đáp ứng nhu cầu đô thị hóa và tình hình phát triển tại khu vực.

- Hạn chế tối đa việc xáo trộn đời sống và công trình đã xây dựng của người dân trong các khu vực chỉnh trang, cân đối hài hòa giữa lợi ích chung của Nhà nước và lợi ích riêng của người dân và các chủ đầu tư.

- Sử dụng đất có hiệu quả, ưu tiên quỹ đất tái định cư. Tổ chức bố trí các công trình hạ tầng xã hội (thương mại, dịch vụ, trường học, nhà trẻ, y tế, thể dục thể thao...). Giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Nối kết với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của toàn khu vực theo đúng định hướng quy hoạch.

- Tổ chức bố trí công trình công cộng hợp lý giữa các khu ở, bao gồm nhà trẻ, mẫu giáo), trường tiểu học, trạm y tế, trung tâm thương mại dịch vụ... Các công trình công cộng đảm bảo bán kính phục vụ hợp lý cho từng khu ở và có yếu tố liên kết chặt chẽ với các khu vực lân cận.

#### **4. Các định hướng quy hoạch dự kiến:**

4.1. Quy hoạch kết nối về không gian và hạ tầng với quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu đô thị mới An Phú (87ha) đã được phê duyệt và khu Liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc đang nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chi tiết:

- Khu đô thị An Phú (87ha) đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định (Văn bản số 342/KQTĐ-SQHKT, ngày 29 tháng 01 năm 2008) đang trình Ủy ban nhân dân quận 2 phê duyệt, nằm ở phía Tây, trục đường Đại lộ Đông Tây - Nguyễn Thị Định lộ giới 120m là trục chính của thành phố xuyên giữa hai khu đô thị, cung cấp toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực. Ngoài ra, trục đường chính lộ giới 60m vào khu Liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc cũng được xác định lại vị trí nối kết với trục đường Đông Tây của khu đô thị An Phú, tại nút giao cắt với đường Đại lộ Đông Tây - Nguyễn Thị Định có thể là giao cắt khác cốt hoặc giao cắt bằng có vòng xoay.

- Trục giao thông nội bộ chính cho khu dân cư An Phú được xác định là trục đường ven rạch Bà Đạt, được nối kết với đường song hành đường Đại lộ Đông Tây - Nguyễn Thị Định bằng các trục đường ngang, toàn bộ hệ thống hạ tầng (cấp điện, cấp thoát nước...) được bố trí đi theo các tuyến đường này, gom vào các tuyến trên các trục đường lớn.

- Các công trình hạ tầng xã hội (trường học, nhà trẻ - mẫu giáo) và tiện ích công cộng (thương mại - dịch vụ) sẽ được tính toán bố trí đủ cho khu dân cư và cân bằng hỗ trợ với khu đô thị An Phú kế cận. Tại khu dân cư An Phú cũng có thể bố trí thêm các loại hình thương mại - dịch vụ, nhà ở căn hộ cao cấp cho thuê phục vụ nhu cầu của khu Liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc.

#### 4.2. Giải pháp dự kiến:

a) Các yếu tố cứng - Đảm bảo các pháp lý quy định chung và cập nhật các dự án đang triển khai:

- Hướng tuyến và lộ giới các trục giao thông chính, bao gồm cả đường lộ giới

60m vào khu Liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiềc, gắn kết với đường Đại lộ Đông Tây - Nguyễn Thị Định, đường trục chính ven rạch, các đường nối ra trục lộ.

- Vị trí tương đối và quy mô các công trình công cộng, khu công viên tập trung và ven sông.

- Tổ chức không gian trên các tuyến giao thông chính theo hướng dẫn của thiết kế đô thị khu vực này như lối đi bộ, bãi đậu xe, tầng cao, mật độ xây dựng và bố cục công trình.

- Rạch tự nhiên và đặc trưng sông nước, không gian mở cần thiết của khu vực.

- Đảm bảo các quy định hiện hành về quy hoạch xây dựng và điều lệ quản lý.

b) Các yếu tố mềm - Điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế:

- Giữ lại các công trình tôn giáo và các dự án có quy hoạch tương đồng.

- Giữ lại và tìm cách mở rộng các trường học, các công trình phúc lợi xã hội.

- Các khu ở hiện hữu được chỉnh trang theo hướng quy hoạch hoàn chỉnh hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật, hợp khối các lô đất theo quy hoạch để xây dựng các công trình xây dựng mới cao tầng bên ngoài và thấp tầng phía trong theo quy mô ô phố.

- Đường giao thông ven sông rạch được nắn chỉnh theo thực tế, kết nối các khu vực phía Bắc đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, có thể kết nối với khu vực phía Nam bằng giải pháp cầu cạn.

- Nắn chỉnh các tuyến giao thông nội bộ các dự án để kết nối nhau và kết nối với các khu đô thị kế cận (khu đô thị An Phú 87ha, khu đô thị Nam Rạch Chiềc 90ha, khu dân cư Sông Giồng...).

4.3. Định hướng tính chất, chức năng khu đô thị:

- Là khu dân cư với chức năng ở, được xây dựng mới, đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, dành cho mục tiêu tái định cư cho khu liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiềc, tái định cư tại chỗ và cho kinh doanh; kết hợp với chức năng phức hợp, trong đó chủ yếu là thương mại - dịch vụ, ở khu vực phía Nam giáp nút giao An Phú.

- Hình thức cư trú bao gồm các dạng nhà ở cao tầng (ở kết hợp thương mại dịch vụ), nhà ở thấp tầng (nhà ở liên kế có sân vườn, biệt thự).

- Công trình hạ tầng xã hội bao gồm các công trình thương mại - dịch vụ tiện ích công cộng, các công trình trường học phổ thông, nhà trẻ - mẫu giáo, công trình hành chính - văn hóa, y tế, bưu điện, công trình tập luyện thể dục thể thao, văn hóa - giải trí...

- Công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, quản lý chất thải rắn, trạm xử lý môi trường...).

## **5. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:**

### **5.1. Cơ cấu sử dụng đất:**

Diện tích khu đất quy hoạch của khu dân cư 36ha (giáp khu Rạch Chiếc) phường An Phú, quận 2 khoảng 35,7ha (357.296,56m<sup>2</sup>; không bao gồm đất giao thông Đại lộ Đông Tây, đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, đường D1 đi khu Liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc và 02 nút giao thông trên Đại lộ Đông Tây), trong đó:

+ Đất đơn vị ở: khoảng 32,47ha chiếm 91% đất toàn khu, trong đó:

- Đất nhóm nhà ở (bao gồm cả phức hợp ở - thương mại - dịch vụ): khoảng 21,27 - 21,77ha, chiếm 65 - 67% đất đơn vị ở, bao gồm:

• Đất nhóm ở cao tầng và phức hợp ở - thương mại - dịch vụ (tái định cư và kinh doanh): khoảng 70 - 80%;

• Đất nhóm ở thấp tầng/hiện hữu chỉnh trang: khoảng 20 - 30%.

- Đất công trình công cộng: khoảng 3,1 - 3,6ha, chiếm 9 - 11% đất đơn vị ở bao gồm:

• Đất trung tâm và công trình công cộng khu vực: khoảng 0,6 - 0,7ha;

• Đất công trình công cộng (hạ tầng xã hội) đơn vị ở: khoảng 2,5 - 3,0ha, gồm:

+ Đất giáo dục: 1,6 - 2,1ha: tối thiểu 1 trường tiểu học đủ chuẩn (1,05ha), nghiên cứu mở rộng quy mô để có thể bố trí trường tiểu học kết hợp trường trung học cơ sở và khoảng 3 trường mầm non tổng cộng 0,6 - 0,9ha;

+ Đất y tế: tối thiểu khoảng 0,6ha (bố trí 1 trạm y tế/1.000 người, quy mô mỗi trạm khoảng 500m<sup>2</sup>; có thể bố trí thêm phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa <100 giường);

+ Đất công trình công cộng khác (chợ, thương mại - dịch vụ): khoảng 0,3ha.

- Đất giao thông: khoảng 6,4ha, chiếm 19,7% đất đơn vị ở.

- Đất cây xanh - công viên thể dục thể thao: tối thiểu khoảng 1,2ha đất cây xanh tập trung (không kể cây xanh - mặt nước kênh rạch và cây xanh nội bộ nhóm ở), chiếm tối thiểu 3,7% đất đơn vị ở.

+ Đất ngoài đơn vị ở: khoảng 3,23ha chiếm 9% đất toàn khu bao gồm:

- Đất cây xanh mặt nước dọc kênh rạch: khoảng 2,28ha;
- Đất giao thông đối ngoại (đường Nguyễn Thị Định): khoảng 0,95ha.

### 5.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

- Tổng số dân dự kiến : 12.000 người
  - Chỉ tiêu đất đơn vị ở : 28 ÷ 30 m<sup>2</sup>/người, trong đó:
    - + Đất công trình công cộng : 2 ÷ 3 m<sup>2</sup>/người
    - + Đất khu ở (có thể kết hợp thương mại - dịch vụ): 15 ÷ 18 m<sup>2</sup>/người.
    - + Đất cây xanh - thể dục thể thao: tối thiểu 1 ÷ 2 m<sup>2</sup>/người (cây xanh tập trung, chưa kể chỉ tiêu đất cây xanh trong nhóm ở tối thiểu 1 - 2m<sup>2</sup>/người; tổng cộng tối thiểu 3 - 4 m<sup>2</sup>/người).
    - + Đất giao thông khu vực : 5 ÷ 7 m<sup>2</sup>/người
  - Tầng cao thấp nhất : 3 tầng
  - Tầng cao cao nhất : 40 tầng
  - Mật độ xây dựng nhóm nhà ở : 25 ÷ 40 %
  - + Khối tháp: khoảng 30 - 35% (tính trên lô đất xây dựng);
  - + Khối đế (nếu có) chức năng thương mại - dịch vụ, tiện ích công cộng, đậu xe... mật độ xây dựng có thể cao hơn (tối đa 60 - 70%).
  - Hệ số sử dụng đất chung:
    - + Toàn khu (trừ đất ngoài đơn vị ở) khoảng 3,5 - 4;
    - + Cho đất dự án cao tầng (trừ đường giao thông khu vực theo quy hoạch chi tiết 1/2000) tối đa 7.
  - Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt : 1.500 kWh/người/năm
  - Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt : 200 ÷ 250 lít/người/ngày đêm
  - Cao trình san lấp : tối thiểu 2,5m
  - Chỉ tiêu thoát nước bản : 200 ÷ 250 lít/người/ngày đêm
  - Chỉ tiêu điện thoại : 10 máy/100 người
  - Chỉ tiêu rác thải : 1 ÷ 1,5 kg /người/ngày
  - Diện tích căn hộ tái định cư : 50 ÷ 100m<sup>2</sup>, tính trung bình 75m<sup>2</sup>/căn hộ.
- Ngoài ra, có một phần nhỏ căn hộ có diện tích > 100m<sup>2</sup>.

- Đảm bảo các chỉ tiêu tiện ích công cộng cho khu dân cư cao tầng như sau:

+ Chung cư tái định cư: bố trí 01 chỗ ô tô cho 2 căn hộ (nhưng có dự trữ diện tích mở rộng tương lai cho 1 căn hộ/1 ô tô).

+ Chung cư kinh doanh: bố trí từ 1 - 1,5 chỗ ô tô cho 1 căn hộ, hoặc cho 150m<sup>2</sup> sàn sử dụng văn phòng hoặc 75m<sup>2</sup> sàn sử dụng thương mại.

+ Trạm y tế (1 trạm quy mô 500m<sup>2</sup>/1.000 dân) và phòng khám bệnh; có thể nâng cấp thành bệnh viện < 100 giường.

+ Các khu ở cần bố trí chợ/siêu thị; khu sinh hoạt cộng đồng; sân chơi công cộng; khu luyện tập thể dục thể thao; khu quản lý; công trình văn hóa; tôn giáo...

+ Bố trí trường học: theo Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố, chỉ tiêu đất giáo dục cho các trường học tại khu vực quận 2 là 8 - 10m<sup>2</sup>/chỗ học.

## **6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:**

### **6.1. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:**

Khu vực quy hoạch 36ha trải dài từ Bắc xuống Nam dọc theo Đại lộ Đông Tây, bị chia cắt bởi đường D1 lộ giới 60m (đi Khu liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc) và đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây.

Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan gắn với chức năng sử dụng đất như sau:

+ Bố trí dãy công trình cao tầng với các chức năng thương mại - dịch vụ, văn phòng, nhà ở cao tầng... dọc Đại lộ Đông Tây;

+ Hình thành điểm nhấn cao tầng với chức năng phức hợp (chủ yếu là thương mại - dịch vụ, có thể có căn hộ ở) tại nút giao thông An Phú (Đại lộ Đông Tây - đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây);

+ Tầng cao giảm dần về phía trong: bố trí các chức năng hạ tầng xã hội như trường tiểu học, trường mầm non, trạm y tế... tiếp cận với các đường nội bộ khu ở; các khu nhà ở hiện hữu chỉnh trang, khu nhà ở thấp tầng (nhà liên kế vườn, nhà biệt thự) về phía sông Giồng Ông Tố phù hợp cảnh quan sông rạch.

+ Khai thác cảnh quan dọc sông rạch (sông Giồng Ông Tố và rạch Bà Đạt): tổ chức dải cây xanh liên tục kết hợp mặt nước, phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi giải trí của người dân và tạo cảnh quan đô thị.



+ Quy hoạch công viên cây xanh kết hợp với các hoạt động thể dục thể thao, vui chơi giải trí trong các nhóm ở, tại các khu vực công trình công cộng.

## 6.2. Thiết kế đô thị:

Các nội dung cần chú ý triển khai khi thực hiện đồ án như sau:

+ Các điều kiện và nguyên tắc phân bổ tầng cao theo định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan như trên; lưu ý tầng cao tối đa dọc Đại lộ Đông Tây khoảng 30 - 35 tầng, tại điểm nhân nút giao thông Đại lộ Đông Tây - đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây tối đa 40 tầng, dọc các trục giao thông chính phía trong tối đa 20 - 25 tầng;

+ Quy định đối với việc tổ chức tổng mặt bằng các công trình công cộng và khu chung cư cao tầng (mật độ xây dựng tối đa, tổ chức lõi vào, tổ chức cây xanh...);

+ Quy định quản lý kiến trúc các dãy công trình dọc tuyến phố.

## 7. Các điểm lưu ý quan trọng khi triển khai đồ án quy hoạch chi tiết:

- Cập nhật các con rạch không được phép san lấp, hành lang bảo vệ ven sông Giồng Ông Tố và rạch Bà Đạt (tương ứng với mép bờ cao) theo ý kiến Sở Giao thông Công Chính (nay là Sở Giao thông vận tải);

- Nghiên cứu giải pháp tổ chức kết nối các khu vực phía Bắc và Nam đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây bằng tuyến giao thông nội bộ dọc rạch Bà Đạt và cầu cạn vượt đường cao tốc.

- Thể hiện định hướng kết nối giao thông với các khu vực xung quanh: nghiên cứu kết nối trục đường lộ giới 60m thuộc Khu liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc vào khu 87ha; kết nối giao thông 03 khu vực trong khu 36ha (lưu ý tránh bố trí giao thông xuyên cắt giao thông nội bộ khu ở);

- Cập nhật đầy đủ các pháp lý quy hoạch, hiện trạng các dự án trong khu vực;

- Cần xác định rõ quy mô, ranh đất dành cho tái định cư và khu vực thu hút dự án đầu tư.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2.000) nêu trên:

- Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn công ty tư vấn lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2.000) theo nội dung nhiệm vụ quy hoạch xây dựng, trình Ủy ban nhân dân quận 2 phê duyệt.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng Ủy ban nhân dân quận 2 rà soát, thống kê và cung cấp cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc bản đồ địa chính, địa hình (1/2000) và danh sách, ranh các dự án đầu tư cùng tiến độ triển khai trên khu vực lập quy hoạch chi tiết.

- Giao Ủy ban nhân dân quận 2, Ban Quản lý dự án khu vực quận 2 phối hợp, cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan quy hoạch chi tiết, kết nối không gian đô thị và hạ tầng xã hội, kỹ thuật tại khu vực cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2, Giám đốc Ban Quản lý dự án khu vực quận 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về định mức chi phí lập, thẩm định quy hoạch  
và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội,  
quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch các sản phẩm  
chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 07 tháng 02 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP

ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3170/SXD-QLKTXD ngày 15 tháng 5 năm 2008, Công văn số 6974/SXD-QLKTXD ngày 08 tháng 10 năm 2008 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1765/STP-VB ngày 12 tháng 6 năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức chi phí lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 65/2006/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định tạm thời về định mức chi phí quy hoạch phát triển ngành trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về định mức chi phí lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh  
quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch  
phát triển ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu  
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 77/2008/QĐ-UBND  
ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về định mức chi phí này là cơ sở để tính mức chi phí (mức vốn) và thanh toán chi phí khi nghiệm thu cho toàn bộ nội dung công việc lập, thẩm định lập mới quy hoạch và rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch sản phẩm chủ yếu.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Mọi đối tượng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện công tác quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố đều phải tuân theo đúng các nội dung của Quy định này, trừ quy hoạch phát triển điện lực thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương.

##### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Định mức chi phí cho dự án quy hoạch và dự án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu là mức chi tối đa để thực hiện toàn bộ nội dung công việc theo trình tự lập, thẩm định và trình duyệt dự án, không bao gồm chi phí để thực hiện các công việc thăm dò, khảo sát địa chất, địa vật lý, đo vẽ bản đồ, tổ chức đấu thầu, thuế giá trị gia tăng.

2. Các khoản mục chi phí trong dự án quy hoạch và dự án điều chỉnh quy hoạch

tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu là các khoản mục chi phí để hoàn thành các nội dung công việc theo trình tự lập, thẩm định và phê duyệt dự án. Tất cả các khoản chi đều nằm trong dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chi theo chế độ quản lý tài chính hiện hành.

## Chương II

### ĐỊNH MỨC CHI PHÍ LẬP, THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ QUY HOẠCH CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU

#### Điều 4. Định mức chi phí quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố

##### 1. Lập mới dự án quy hoạch:

a) Mức chi phí (mức vốn) tối đa của dự án lập mới quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp thành phố:

Áp dụng công thức tính và các bảng 1, 2 và 3, khoản 1 Mục I Phần II của Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi là Quyết định 281/2007/QĐ-BKH) xác định được các hệ số  $H_1 = 1$ ;  $H_2 = 3,5$ ;  $H_3 = 1,08$  (Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc Trung ương và là đô thị đặc biệt, có diện tích tự nhiên là  $2.092 \text{ km}^2$ ), mức vốn tối đa cho dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh là 1.890 triệu đồng. Cụ thể:

$$\begin{aligned} \text{Giá}_{\text{QHT TP Hồ Chí Minh}} &= G_{\text{chuẩn}} \times H_1 \times H_2 \times H_3 \\ &= 500 \times 1 \times 3,5 \times 1,08 = 1.890 \text{ (triệu đồng)}. \end{aligned}$$

b) Mức chi phí (mức vốn) tối đa của dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp quận - huyện trực thuộc thành phố là 756 triệu đồng (cụ thể:  $40\% \times 1.890$  triệu đồng = 756 triệu đồng).

##### 2. Điều chỉnh dự án quy hoạch:

a) Mức chi phí (mức vốn) tối đa của dự án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp thành phố, sau khi có quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ cho tiến hành điều chỉnh quy hoạch:

- Đối với quy hoạch đã thực hiện từ 5 năm trở lên: tùy theo nội dung cần điều

chỉnh, không quá 65% mức vốn tối đa của dự án lập mới quy hoạch, quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

- Đối với quy hoạch đã thực hiện dưới 5 năm: tùy theo nội dung cần điều chỉnh, không quá 50% mức vốn tối đa của dự án lập mới quy hoạch, quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Mức chi phí (mức vốn) tối đa của dự án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp quận - huyện, sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho tiến hành điều chỉnh quy hoạch:

- Đối với quy hoạch đã thực hiện từ 5 năm trở lên: tùy theo nội dung cần điều chỉnh, không quá 65% mức vốn tối đa của dự án lập mới quy hoạch, quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

- Đối với quy hoạch đã thực hiện dưới 5 năm: tùy theo nội dung cần điều chỉnh, không quá 50% mức vốn tối đa của dự án lập mới quy hoạch, quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

**3. Định mức chi phí cho các khoản mục chi phí theo trình tự lập, thẩm định và phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp thành phố:**

a) Đối với dự án lập mới quy hoạch: thực hiện theo bảng 6 khoản 1 Mục I Phần II Quyết định 281/2007/QĐ-BKH.

b) Đối với dự án điều chỉnh quy hoạch: thực hiện theo bảng 10 khoản 1 Mục II Phần II Quyết định 281/2007/QĐ-BKH.

**4. Định mức chi phí cho các khoản mục chi phí theo trình tự lập, thẩm định và phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp quận - huyện:**

a) Đối với dự án lập mới quy hoạch: thực hiện theo bảng 7 khoản 1 Mục I Phần II Quyết định 281/2007/QĐ-BKH.

b) Đối với dự án điều chỉnh quy hoạch: thực hiện theo bảng 11 khoản 2 Mục II Phần II Quyết định 281/2007/QĐ-BKH.

## **Điều 5. Định mức chi phí quy hoạch phát triển ngành của thành phố**

**1. Lập mới dự án quy hoạch phát triển ngành:**

a) Mức chi phí (mức vốn) tối đa cho việc lập mới dự án quy hoạch là:  $30\% \times 1.890$  triệu đồng = 567 triệu đồng.

b) Đối với các phân ngành của ngành, mức vốn tối đa cho việc lập mới dự án quy hoạch là:  $50\% \times 567$  triệu đồng = 283,5 triệu đồng.

## 2. Điều chỉnh dự án quy hoạch phát triển ngành:

Mức chi phí (mức vốn) tối đa của dự án điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành/phân ngành: sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho tiến hành điều chỉnh quy hoạch:

a) Đối với quy hoạch đã thực hiện từ 5 năm trở lên: tùy theo nội dung cần điều chỉnh, không quá 50% mức vốn tối đa của dự án lập mới quy hoạch, theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

b) Đối với quy hoạch đã thực hiện dưới 5 năm: tùy theo nội dung cần điều chỉnh, không quá 40% mức vốn tối đa của dự án lập mới quy hoạch, theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

3. Định mức chi phí cho các khoản mục chi phí theo trình tự lập, thẩm định và phê duyệt dự án quy hoạch phát triển ngành/phân ngành của thành phố:

a) Lập mới dự án quy hoạch: thực hiện theo bảng 13 khoản 1 Mục III Phần III Quyết định 281/2007/QĐ-BKH.

b) Đối với việc điều chỉnh quy hoạch: thực hiện theo bảng 16 khoản 2 Mục III Phần III Quyết định 281/2007/QĐ-BKH.

## **Điều 6. Định mức chi phí quy hoạch phát triển sản phẩm chủ yếu của thành phố**

1. Mức chi phí (mức vốn) tối đa của dự án lập mới quy hoạch phát triển sản phẩm chủ yếu:  $30\% \times 567 \text{ triệu đồng} = 170,1 \text{ triệu đồng}$ .

2. Mức chi phí (mức vốn) tối đa của dự án điều chỉnh quy hoạch phát triển sản phẩm chủ yếu: sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho tiến hành điều chỉnh quy hoạch:

a) Đối với quy hoạch đã thực hiện từ 5 năm trở lên: tùy theo nội dung cần điều chỉnh, không quá 60% mức vốn tối đa của dự án lập mới quy hoạch, quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với quy hoạch đã thực hiện dưới 5 năm: tùy theo nội dung cần điều chỉnh, không quá 50% mức vốn tối đa của dự án lập mới quy hoạch, quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Định mức chi phí cho các khoản mục chi phí theo trình tự lập, thẩm định và phê duyệt dự án quy hoạch sản phẩm chủ yếu của thành phố:

a) Đối với việc lập mới quy hoạch: thực hiện theo bảng 14 khoản 1 Mục III Phần III Quyết định 281/2007/QĐ-BKH.



b) Đối với việc điều chỉnh quy hoạch: thực hiện theo bảng 17 khoản 1 Mục III Phần III Quyết định 281/2007/QĐ-BKH.

### **Điều 7. Hệ số điều chỉnh dự toán kinh phí công tác lập, thẩm định quy hoạch**

Khung giá, định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và các sản phẩm chủ yếu ban hành kèm theo Quyết định 281/2007/QĐ-BKH được xây dựng trên cơ sở mặt bằng giá vào thời điểm cuối năm 2006.

Khi dự toán kinh phí cho công tác lập, thẩm định quy hoạch sẽ điều chỉnh theo nguyên tắc nhân thêm với hệ số trượt giá (tỷ lệ lạm phát hoặc chỉ số giá tiêu dùng CPI) do Cục Thống kê thành phố công bố tại thời điểm gần nhất so với thời điểm lập dự toán.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI được tham khảo trên trang web của Cục Thống kê thành phố (địa chỉ website: [www.pso.hochiminhcity.gov.vn](http://www.pso.hochiminhcity.gov.vn), vào mục Thông tin kinh tế xã hội).

Hệ số điều chỉnh dự toán (K) được xác định theo công thức sau:

$$K = \text{CPI}_t / \text{CPI}_{2006}$$

CPI: Chỉ số giá tiêu dùng của tháng khi lập dự toán

CPI<sub>2006</sub>: Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 năm 2006.

### **Chương III**

## **THẨM QUYỀN THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ TOÁN LẬP, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU**

**Điều 8. Phân công, phân cấp thẩm định, phê duyệt dự toán lập, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội**

1. Dự án cấp thành phố:

Sở Tài chính thực hiện thẩm định dự toán dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Dự án cấp quận - huyện:

Giao Giám đốc Sở Tài chính thực hiện việc thẩm định và phê duyệt dự toán dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp quận - huyện.

**Điều 9. Phân cấp thẩm định, phê duyệt dự toán lập, điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành và sản phẩm chủ yếu**

Giám đốc các Sở quản lý chuyên ngành thẩm định và phê duyệt dự toán lập, điều chỉnh dự án quy hoạch và dự án điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu cấp thành phố.

**Chương IV**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Các dự án quy hoạch và dự án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu thực hiện từ ngày 13 tháng 5 năm 2007 về sau (ngày Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hiệu lực thi hành) thì được áp dụng định mức chi phí theo quy định tại Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc khi áp dụng các định mức chi phí quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu, các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn. Nếu vượt quá thẩm quyền, Sở Xây dựng báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4610/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc đặt tên đường mới và sửa đổi tên đường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố về bổ sung Quỹ đặt, đổi tên đường của thành phố;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1023/SVHTTDL ngày 22 tháng 9 năm 2008 về việc đặt mới và sửa đổi tên đường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay đặt tên mới cho 17 (mười bảy) tên đường và điều chỉnh giới hạn cho 03 (ba) tên đường thuộc các quận: 1, 3, Tân Bình, Gò Vấp, Bình Thạnh, Phú Nhuận (theo danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an thành phố, Bưu điện thành phố, Ủy ban nhân dân các quận: 1, 3, Tân Bình, Gò Vấp, Bình Thạnh, Phú Nhuận theo chức năng của mình, có kế hoạch tổ chức thực hiện những vấn đề có liên quan đến việc đặt tên đường mới và điều chỉnh giới hạn tên đường nêu ở Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng đặt mới, sửa đổi tên đường, công viên, quảng trường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở - ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận có liên quan nêu tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**ĐƯỜNG ĐẶT TÊN MỚI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND  
ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**I. ĐƯỜNG ĐẶT TÊN MỚI**

<b>STT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Vị trí</b>
1	<b>BÀU CÁT 1</b>	Đặt tên cho đường BC 1 Từ đường Trương Công Định đến hẻm 273 Bàu Cát - quận Tân Bình.
2	<b>BÀU CÁT 2</b>	Đặt tên cho đường BC 2 Từ đường Trương Công Định đến hẻm 273 Bàu Cát - quận Tân Bình.
3	<b>BÀU CÁT 3</b>	Đặt tên cho đường BC 3 Từ đường Trương Công Định đến hẻm 273 Bàu Cát - quận Tân Bình.
4	<b>BÀU CÁT 4</b>	Đặt tên cho đường BC 4 Từ đường Trương Công Định đến đường Đồng Đen - quận Tân Bình
5	<b>BÀU CÁT 5</b>	Đặt tên cho đường BC 5 Từ đường Nguyễn Hồng Đào đến đường Đồng Đen - quận Tân Bình.
6	<b>BÀU CÁT 6</b>	Đặt tên cho đường BC 6 Từ đường Nguyễn Hồng Đào đến đường Đồng Đen - quận Tân Bình.
7	<b>BÀU CÁT 7</b>	Đặt tên cho đường BC 7 Từ đường Nguyễn Hồng Đào đến đường Đồng Đen - quận Tân Bình.
8	<b>BÀU CÁT 8</b>	Đặt tên cho đường BC 9 Từ đường Âu Cơ đến đường Hồng Lạc - quận Tân Bình.
9	<b>NGUYỄN ĐỨC THUẬN</b>	Đặt tên cho đường B1 Từ đường Thân Nhân Trung đến giáp bờ rào Sân bay Tân Sơn Nhất - quận Tân Bình.
10	<b>TRẦN VĂN DANH</b>	Đặt tên cho đường C2 Từ hẻm 235 đường Hoàng Hoa Thám đến tường rào sân bay - quận Tân Bình.
11	<b>NGÔ THỊ THU MINH</b>	Đặt tên cho hẻm 122 Phạm Văn Hai Từ đường Phạm Văn Hai đến đường Lê Văn Sỹ - quận Tân Bình.

12	<b>THÁI THỊ NHẬN</b>	Đặt tên cho đường kế Xí nghiệp đông lạnh Từ đường Âu Cơ đến đường Vườn Lan - quận Tân Bình.
13	<b>ĐẶNG MINH TRÚ</b>	Đặt tên cho đường bên hông Trường Mầm non Từ đường trước Trường Mầm non đến đường Ni sư Huỳnh Liên - quận Tân Bình.
14	<b>BÙI THẾ MỸ</b>	Đặt tên cho đường trước Trường Mầm non Từ đường Hồng Lạc đến đường Ni sư Huỳnh Liên - quận Tân Bình.
15	<b>HUỲNH LAN KHANH</b>	Đặt tên cho hẻm 28 đường Phan Đình Giót nối hẻm 64 đường Phổ Quang. Từ hẻm 28 đường Phan Đình Giót đến đường Phổ Quang - quận Tân Bình.
16	<b>TÂN SƠN</b>	Đặt tên cho đường ven tường rào sân bay Từ đường Phạm Văn Bạch - quận Tân Bình đến đường Quang Trung - quận Gò Vấp.
17	<b>BẢY HIỀN</b>	Đặt tên cho hẻm 1017/6 đường Lạc Long Quân. Từ đường Lạc Long Quân đến đường Lạc Long Quân (đường hình chữ U) - quận Tân Bình.

## II. ĐƯỜNG ĐIỀU CHỈNH GIỚI HẠN:

STT	Tên đường	Vị trí cũ	Nội dung điều chỉnh
18	<b>HOÀNG SA</b>	Thuộc địa phận phường Đa Kao, quận 1	Đặt tên cho đoạn đường ven kênh Nhiêu Lộc phía bờ Bắc. Từ Cầu Thị Nghè đến đường Út Tịch thuộc quận Tân Bình, quận 1, quận 3
19	<b>TRƯỜNG SA</b>	Thuộc địa phận phường 17, quận Bình Thạnh	Đặt tên cho đoạn đường ven kênh Nhiêu Lộc phía bờ Nam. Từ Cầu Thị Nghè đến đường Út Tịch thuộc quận Tân Bình, quận Phú Nhuận, quận Bình Thạnh.
20	<b>NI SƯ HUỲNH LIÊN</b>	Đặt tên cho đường Tịnh xá Ngọc Phú, từ đường trục phường 10 đến Tịnh xá Ngọc Phú, quận Tân Bình	Đặt tên cho đoạn Vườn Lan từ đường Ni sư Huỳnh Liên đến đường Hồng Lạc. Dài 275m, lộ giới 12m thuộc quận Tân Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Quy chế quản lý công cụ hỗ trợ trang bị cho  
lực lượng bảo vệ chuyên trách của các tổ chức tín dụng  
hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 73/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 05/TT-BNV (C13) ngày 28 tháng 9 năm 1996 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) về việc hướng dẫn thực hiện một số vấn đề trong Nghị định số 47/CP ngày 12 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

Căn cứ Công văn số 2051/VPCP-NC ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Văn phòng Chính phủ về việc cho phép thí điểm trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ cho lực lượng bảo vệ chuyên trách các ngân hàng thương mại cổ phần và Công văn số 2710/C11 (C13) ngày 17 tháng 6 năm 2008 của Tổng cục Cảnh sát;

Xét đề nghị của Giám đốc Công an thành phố tại Công văn số 971/CVCA TP(PC13) ngày 25 tháng 7 năm 2008 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 801/TTr-SNV ngày 09 tháng 10 năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý công cụ hỗ trợ trang bị cho lực lượng bảo vệ chuyên trách của các tổ chức tín dụng hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Kho bạc thành phố, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Tổng Giám đốc, Giám đốc các tổ chức tín dụng hoạt động trên địa bàn thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Quản lý công cụ hỗ trợ trang bị cho lực lượng bảo vệ  
chuyên trách của các tổ chức tín dụng hoạt động  
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 78/2008/QĐ-UBND  
ngày 30 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Quy chế này quy định việc quản lý công cụ hỗ trợ trang bị cho lực lượng bảo vệ chuyên trách của các tổ chức tín dụng hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Công cụ hỗ trợ được quy định trong Quy chế này gồm các loại roi cao su, gậy cao su, roi điện, gậy điện, gậy sắt, găng tay điện, bình xịt hơi cay, súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su (không bao gồm các loại công cụ hỗ trợ khác) được quy định tại khoản 3 Điều 1 của Quy chế quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được ban hành kèm theo Nghị định số 47/CP ngày 12 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ.

#### **Điều 3. Đối tượng được trang bị và sử dụng**

1. Đối tượng được cấp phép trang bị, quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ là các tổ chức tín dụng được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động, kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, tín dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nhân viên được trang bị, quản lý và sử dụng công cụ hỗ trợ là lực lượng bảo vệ chuyên trách thuộc các tổ chức tín dụng được thành lập theo Nghị định số 73/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

**Điều 4.** Lực lượng bảo vệ chuyên trách của các tổ chức tín dụng hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh chỉ được phép sử dụng công cụ hỗ trợ trong các trường hợp được pháp luật quy định, như:



- Bảo vệ trụ sở cơ quan, đơn vị, áp tải tiền, lợi ích vật chất khác của ngân hàng và của khách hàng khi có giao dịch;
- Phòng vệ chính đáng do bị tấn công bằng vũ lực;
- Ngăn chặn hành vi phạm tội quả tang;
- Vô hiệu hóa hành vi trốn chạy hoặc chống trả của người vi phạm pháp luật, cần đưa đến cơ quan Công an để lập biên bản xử lý và các hành vi vi phạm khác...

### **Điều 5.**

1. Tổ chức, cá nhân không thuộc diện trang bị, giao giữ, sử dụng công cụ hỗ trợ và các loại vũ khí khác, nếu đang có, không kể do nguồn gốc nào, đều phải kê khai và giao nộp tại cơ quan Công an hoặc cơ quan Quân sự các cấp.
2. Hàng năm, các tổ chức tín dụng phải tự kiểm tra chất lượng và thực hiện việc chuyển loại, thanh lý số công cụ hỗ trợ hư hỏng, xuống cấp; đồng thời lập danh sách, kê khai giao nộp cho cơ quan Công an cấp phép sử dụng để lập hội đồng tiêu hủy theo quy định.

## **Chương II**

### **THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ TRANG BỊ, CẤP PHÉP SỬ DỤNG CÔNG CỤ HỖ TRỢ**

#### **Điều 6. Thủ tục đề nghị trang bị (mua)**

Công văn đề nghị trang bị và sử dụng do Tổng Giám đốc ký có phê duyệt của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước gửi Tổng cục Cảnh sát - Bộ Công an hoặc Công an thành phố.

Bản sao hợp lệ giấy phép thành lập và cho phép các tổ chức tín dụng hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.

Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Quyết định thành lập lực lượng bảo vệ chuyên trách theo quy định tại Nghị định số 73/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Giấy giới thiệu kèm giấy Chứng minh nhân dân của người được cử liên hệ.

#### **Điều 7. Thủ tục cấp mới, cấp đổi giấy phép sử dụng**

1. Thủ tục cấp mới:

- Công văn của các tổ chức tín dụng gửi cơ quan Công an thành phố đề nghị cấp giấy phép sử dụng;

- Bản kê khai công cụ hỗ trợ đề nghị cấp phép sử dụng (theo mẫu VK5) do Bộ Công an ban hành theo Quyết định số 998/2001/QĐ-BCA(C11) ngày 10 tháng 10 năm 2001;

- Bản sao giấy phép mua công cụ hỗ trợ của cơ quan Công an cấp;

- Hóa đơn bán công cụ hỗ trợ của cơ sở sản xuất, kinh doanh công cụ hỗ trợ;

- Giấy giới thiệu kèm Chứng minh nhân dân của người đến làm thủ tục.

2. Thủ tục đề nghị cấp đổi:

- Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại (nêu rõ lý do);

- Bản kê khai công cụ hỗ trợ đề nghị cấp phép sử dụng (theo mẫu VK5);

- Giấy phép sử dụng gần hết hạn thời gian sử dụng;

- Danh sách trích ngang nhân viên bảo vệ;

- Giấy giới thiệu kèm Chứng minh nhân dân của người đến liên hệ.

### **Chương III**

## **PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC TRANG BỊ, BẢO QUẢN, KIỂM TRA, SỬ DỤNG CÔNG CỤ HỖ TRỢ**

### **Điều 8. Đối với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước TP. Hồ Chí Minh**

1. Có trách nhiệm phối hợp với Công an thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội là đơn vị được giao nhiệm vụ cấp giấy phép trang bị và sử dụng công cụ hỗ trợ) chỉ đạo, hướng dẫn cho các tổ chức tín dụng lập danh sách đề nghị trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng bảo vệ chuyên trách thuộc các đơn vị trên.

2. Phối hợp với Công an thành phố Hồ Chí Minh tổ chức mở lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ về trang bị, bảo quản và sử dụng cho lực lượng bảo vệ chuyên trách thuộc các tổ chức tín dụng trước khi được trang bị công cụ hỗ trợ.

### **Điều 9. Đối với các tổ chức tín dụng**

1. Có trách nhiệm mua sắm công cụ hỗ trợ tại các cơ sở được phép kinh doanh công cụ hỗ trợ, theo đúng quy định chủng loại quy định tại Quy chế này.

Về số lượng: từ hai đến ba nhân viên bảo vệ trang bị một công cụ hỗ trợ.

Tổ chức quản lý công cụ hỗ trợ một cách chặt chẽ, tập trung tại đơn vị; chỉ giao công cụ hỗ trợ cho nhân viên bảo vệ khi làm nhiệm vụ. Hàng tuần phải bảo dưỡng, kiểm tra chất lượng công cụ hỗ trợ; nơi cất giữ phải có các phương tiện chuyên dùng bảo quản chắc chắn và có phương án đảm bảo tốt việc phòng, chống cháy, nổ theo quy định.

2. Phối hợp và chịu sự hướng dẫn trực tiếp của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố và Công an thành phố về việc xây dựng phương án, kế hoạch nhằm bảo vệ an toàn trụ sở cơ quan, đơn vị, bảo vệ việc áp tải tiền, lợi ích vật chất khác của ngân hàng và của khách hàng khi có giao dịch, cũng như việc tổ chức tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ về bảo quản, sử dụng công cụ hỗ trợ cho lực lượng bảo vệ chuyên trách của đơn vị.

3. Tổ chức việc phân công cán bộ, nhân viên chuyên môn theo dõi, quản lý chặt chẽ công cụ hỗ trợ. Có sổ sách ghi chép, theo dõi cập nhật thường xuyên việc cấp phát, cũng như thu hồi công cụ hỗ trợ. Trường hợp công cụ hỗ trợ hoặc giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ bị mất, người được giao quản lý, sử dụng phải báo ngay cho cơ quan, đơn vị, đồng thời cơ quan, đơn vị đó phải lập biên bản xác nhận sự việc, có văn bản báo ngay cho cơ quan Công an sở tại nơi mất và cơ quan Công an cấp phép (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Công an thành phố) để có biện pháp truy tìm kịp thời.

4. Tuyệt đối chỉ giao, cấp, phát công cụ hỗ trợ cho cán bộ, nhân viên quản lý, cho lực lượng bảo vệ chuyên trách sử dụng khi đã qua lớp đào tạo, tập huấn thành thạo về kỹ thuật, nghiệp vụ bảo quản và sử dụng công cụ hỗ trợ.

5. Chỉ đưa vào sử dụng công cụ hỗ trợ khi đã được cơ quan Công an có thẩm quyền cấp phép. Lực lượng bảo vệ chuyên trách khi thi hành nhiệm vụ, được trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ phải mang theo giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ và giấy tờ tùy thân khác để xuất trình khi có cơ quan Công an thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát.

6. Tổng Giám đốc, Giám đốc hoặc người đứng đầu (người đại diện theo pháp luật) của các tổ chức tín dụng là người chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc bảo quản, sử dụng công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng việc trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ để xâm phạm tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và của các cơ quan, tổ chức xã hội khác.

## **Điều 10. Đối với Công an thành phố Hồ Chí Minh**

1. Có trách nhiệm phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố hướng dẫn các tổ chức tín dụng hoàn tất các thủ tục quy định về đăng ký mua, trang bị công cụ hỗ trợ cũng như việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cấp giấy phép sử dụng số công cụ hỗ trợ trên theo quy định tại khoản 6 Mục E Phần II Thông tư số 05/TT-NBV(C13) ngày 28 tháng 9 năm 1996 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 47/CP ngày 12 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Công an thành phố (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội) phải cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ tại các cơ sở được phép bán công cụ hỗ trợ theo quy định.

3. Có kế hoạch phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố tổ chức việc đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, kỹ thuật bảo quản, sử dụng công cụ hỗ trợ cho lực lượng bảo vệ chuyên trách các tổ chức tín dụng.

4. Chủ động phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố tổ chức việc kiểm tra định kỳ mỗi năm một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu công tác về việc bảo quản, sử dụng công cụ hỗ trợ của lực lượng bảo vệ chuyên trách các tổ chức tín dụng. Kịp thời phát hiện ngăn ngừa, chấn chỉnh các biểu hiện sơ hở trong bảo quản, sử dụng cũng như xử lý các hành vi vi phạm trong bảo quản, sử dụng công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 11.**

1. Giám đốc Công an thành phố và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức tín dụng thực hiện đúng Quy chế này.

2. Đơn vị, cá nhân được phép trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ mà vi phạm chế độ quản lý công cụ hỗ trợ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây ra thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc sử dụng công cụ hỗ trợ để ngăn

chặn các hành động phạm tội và hành vi vi phạm pháp luật khác, thì tùy theo tính chất vụ việc sẽ được xem xét đề nghị khen thưởng kịp thời.

**Điều 12.**

1. Sau 01 năm triển khai thực hiện việc trang bị, quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ của lực lượng bảo vệ chuyên trách thuộc các tổ chức tín dụng được quy định tại Quy chế này; Giám đốc Công an thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố, Tổng Giám đốc, Giám đốc hoặc người đứng đầu (người đại diện theo pháp luật) các tổ chức tín dụng tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm, báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Giao cho Giám đốc Công an thành phố chủ trì, phối hợp với Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố và Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, tổng hợp những phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế này báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến chỉ đạo kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

## SỞ XÂY DỰNG

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7581/TB-SXD-QLNLHNXD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2008

### THÔNG BÁO

#### Hướng dẫn nộp hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

Để tạo thuận lợi cho cá nhân khi nộp hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng tại Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo Quy chế ban hành tại Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng được tiến hành công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh thông báo cụ thể các nội dung liên quan đến việc nộp hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng như sau:

#### I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TRẢ KẾT QUẢ

- Phòng Quản lý năng lực hành nghề xây dựng - Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

- Địa chỉ: số 60 đường Trương Định, phường 7, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (08) **9326214** xin số **316** hoặc **317** hoặc **318**.

- Fax: (08) 9325269.

- Thời gian thực hiện đăng ký cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng: kể từ **ngày 10 tháng 11 năm 2008**.

- Lịch tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: trong giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (*trừ chiều thứ sáu hàng tuần và các ngày lễ, ngày tết được nghỉ trong năm theo quy định*).

#### II. ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

1. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cấp cho cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có đủ điều kiện theo quy định tại Thông báo này.

2. Cá nhân là công chức đang làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước thì không được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo Thông báo này.

3. Người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng do nước ngoài cấp còn giá trị thì được công nhận và sử dụng để hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình tại Việt Nam. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng do nước ngoài cấp phải được dịch ra tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam và phải gửi cho Sở Xây dựng tại địa phương nơi hành nghề để theo dõi, quản lý.

### **III. ĐIỀU KIỆN, THÀNH PHẦN HỒ SƠ KHI CẤP CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG**

#### **A. CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG HẠNG 2**

##### **1. Điều kiện được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2:**

Người được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 phải có đủ các điều kiện sau:

- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị cấm hành nghề theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, không đang trong tình trạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù;

- Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, kinh tế - kỹ thuật, kỹ thuật do tổ chức hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp và đang thực hiện các công việc có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Có giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng theo quy định của Bộ Xây dựng;

- Có hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo hướng dẫn tại mục 2 khoản A Phần III dưới đây và đã nộp lệ phí tại Sở Xây dựng theo quy định;

- Có 5 năm tham gia hoạt động xây dựng trước thời điểm xin cấp chứng chỉ;

- Đã **trực tiếp thực hiện** ít nhất 5 công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điều 3 Quy chế ban hành theo Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD ngày 18 tháng 04 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng bao gồm các công việc sau:

+ Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình;

- + Đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Xác định định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;
- + Đo bóc khối lượng công trình;
- + Lập, thẩm tra dự toán công trình;
- + Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng;
- + Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- + Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;
- + Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng;
- + Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình khác.

## **2. Thành phần hồ sơ nộp khi đăng ký đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2:**

Bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 bao gồm các tài liệu sau:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông báo này, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (xã, phường, thị trấn) nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi làm việc;

- 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ;

- Bản sao có chứng thực các văn bằng, giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đề nghị cấp chứng chỉ;

- Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông báo này, có xác nhận của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc của chủ đầu tư.

## **B. CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG HẠNG 1:**

### **1. Điều kiện được cấp (nâng hạng) chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1:**

a) Người được cấp (nâng hạng) chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 ngoài việc đáp ứng các điều kiện của kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 nêu trên còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có ít nhất 5 năm **liên tục** tham gia hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình kể từ thời điểm được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2;



- Đã **trực tiếp thực hiện** ít nhất 5 công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của **dự án quan trọng quốc gia hoặc dự án nhóm A** trong số các công việc quy định tại Điều 3 Quy chế ban hành theo Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng:

- + Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Lập, thẩm tra dự toán công trình;
- + Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng;
- + Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- + Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;

- Đã tham gia khóa bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về cơ chế chính sách đầu tư xây dựng công trình và nghiệp vụ tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định của Bộ Xây dựng;

b) Trường hợp người đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 chưa có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2, nếu tại thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ đã có **10 năm liên tục** tham gia lập, quản lý chi phí xây dựng và đã trực tiếp thực hiện ít nhất 5 công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của dự án quan trọng quốc gia hoặc dự án nhóm A trong số các công việc quy định tại Điều 3 quy chế ban hành theo Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng dưới đây thì được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1:

- + Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Lập, thẩm tra dự toán công trình;
- + Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng;
- + Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- + Kiểm soát chi phí xây dựng công trình.

## **2. Thành phần hồ sơ nộp khi đăng ký đề nghị cấp (nâng hạng) chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1:**

Bộ hồ sơ đề nghị cấp (nâng hạng) chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 bao gồm các tài liệu sau:

- Đơn đề nghị nâng hạng kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành theo Thông báo này;

- 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp (nâng hạng);
- Bản sao chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 (trừ trường hợp quy định tại điểm b mục 1 khoản A Phần II nêu trên);
- Chứng nhận tham gia khóa bồi dưỡng cập nhật kiến thức về cơ chế chính sách đầu tư xây dựng công trình và nghiệp vụ tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành theo Thông báo này có xác nhận của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc của chủ đầu tư.

### **C. CẤP LẠI CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG**

Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng được cấp lại trong các trường hợp chứng chỉ bị rách, nát hoặc bị mất.

#### **1. Điều kiện để được cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng:**

- Có đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông báo này;
- Có chứng chỉ cũ đối với trường hợp bị rách, nát. Có giấy xác minh của cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương đối với trường hợp bị mất chứng chỉ;
- Có bản kê khai kết quả hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo chứng chỉ đã được cấp theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông báo này, có xác nhận của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc của chủ đầu tư.
- 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng.

#### **2. Thủ tục cấp lại chứng chỉ:**

- Người xin cấp lại chứng chỉ nộp 01 hồ sơ theo các điều kiện quy định nêu trên. Sở Xây dựng chỉ xem xét, cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cho các cá nhân đủ thủ tục theo quy định (Sở Xây dựng thuộc địa phương nào cấp chứng chỉ trước đây thì Sở Xây dựng đó cấp lại chứng chỉ).

- Nội dung của chứng chỉ mới được ghi đúng như chứng chỉ cũ, có ghi cấp lại lần thứ...

### **IV. THU HỒI CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG:**

Người được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng sẽ bị thu hồi chứng chỉ khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

- Tự ý tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ, cho mượn hoặc cho thuê chứng chỉ;

- Vi phạm đạo đức nghề nghiệp;
- Sau 3 năm không hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Không tham gia các khóa bồi dưỡng cập nhật kiến thức về cơ chế chính sách đầu tư xây dựng công trình và nghiệp vụ tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

## V. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

- Mức thu lệ phí cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng là: **200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng)**.

- Hồ sơ đăng ký cấp mới, cấp lại chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng được viết bằng máy vi tính, không được viết tắt, tẩy xóa hoặc viết chèn thêm nội dung điều chỉnh, bổ sung trên hồ sơ. Người đăng ký cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng phải trực tiếp nộp và nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và giao trả hồ sơ của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh.

- Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm xét cấp mới, cấp lại chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì Sở Xây dựng sẽ có văn bản thông báo cho người xin cấp chứng chỉ biết rõ lý do trong thời hạn **05 ngày**, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Sau khi được cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng, người được cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng hoạt động tư vấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vào **ngày 15 tháng 12 hàng năm** có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh về các hoạt động có liên quan đến tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo mẫu tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông báo này.

- Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Xây dựng tại số 60 Trương Định, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, hoặc liên hệ Phòng Quản lý năng lực hành nghề xây dựng, điện thoại số **9326214** xin số **316** hoặc **317** hoặc **318**./.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Đức Nhuận**

**Phụ lục 1****MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG**

*(Ban hành tại Thông báo số 7581/TB-SXD-QLNLHNXD  
ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh)*

Lần đăng ký  
cấp chứng chỉ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (HOẶC CẤP LẠI<sup>(\*)</sup>) CHỨNG CHỈ  
KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG**

**Kính gửi:** Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên cá nhân:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch:
5. Số chứng minh nhân dân (hoặc số hộ chiếu): . . . ngày cấp . . . nơi cấp . . .
6. Địa chỉ thường trú:  
- Số điện thoại liên hệ:                      - E.mail:                      - Website:
7. Địa chỉ nơi công tác (nếu có):
8. Trình độ chuyên môn (đính kèm bản sao có chứng thực):  
- Văn bằng chuyên môn đã được cấp:  
- Giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng đã được cấp  
(Do cơ sở đào tạo . . . . . tổ chức từ ngày . . . . . đến ngày . . . . . Địa chỉ cơ sở đào tạo: . . .)
9. Kinh nghiệm nghề nghiệp (trường hợp đăng ký cấp lại thì kê khai theo chứng chỉ đã được cấp trước đây):  
- Thời gian đã hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình: . . . . .  
- Những công việc liên quan đến tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã thực hiện theo hướng dẫn tại Thông báo nộ hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng của Sở Xây dựng: . . . . .  
Đề nghị được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng: . . .
10. Bản thân hiện nay không phải là cán bộ, công chức nhà nước và cam kết có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không bị cấm hành nghề theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.  
Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung trong đơn này và cam kết hành nghề theo đúng chứng chỉ kỹ sư định giá được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./

**Xác nhận của UBND cấp xã  
hoặc của cơ quan, tổ chức nơi công tác**  
(Ký và đóng dấu)

**Người làm đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

<sup>(\*)</sup> Trường hợp cấp lại phải nêu rõ lý do đăng ký cấp lại chứng chỉ trong đơn.

**Phụ lục 2**  
**MẪU BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**  
**TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ**  
**XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

*(Ban hành tại Thông báo số 7581/TB-SXD-QLNLHNXD  
 ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh)*

1. Họ và tên:

2. Quá trình hoạt động liên quan đến tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (khai rõ thời gian, đơn vị công tác, công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã thực hiện và loại công trình - Trường hợp đăng ký cấp lại thì kê khai theo chứng chỉ đã được cấp trước đây):

Số TT	Thời gian	Tên và loại công trình	Nội dung công việc liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (ghi theo hướng dẫn tại Thông báo nộp hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng của Sở Xây dựng)

Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung bản tự khai này./.

**Xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý  
 trực tiếp hoặc của chủ đầu tư**  
 (Ký và đóng dấu)

**Người kê khai**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 3****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ NÂNG HẠNG KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG***(Ban hành tại Thông báo số 7581/TB-SXD-QLNLHNXD**ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh)*Lần đăng ký  
cấp chứng chỉ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ NÂNG HẠNG KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG****Kính gửi:** Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên cá nhân:

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Nơi sinh:

4. Quốc tịch:

5. Số chứng minh nhân dân (hoặc số hộ chiếu): . . . ngày cấp . . . nơi cấp . . .

6. Địa chỉ thường trú:

- Số điện thoại liên hệ:

- E.mail:

- Webside:

7. Địa chỉ nơi công tác (nếu có):

8. Kinh nghiệm nghề nghiệp:

- Thời gian đã hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (kể từ thời điểm được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 đến thời điểm xin nâng hạng);

- Những công việc liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã thực hiện (theo hướng dẫn tại Thông báo nộ hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng của Sở Xây dựng):

- Tham gia khóa bồi dưỡng cập nhật kiến thức về cơ chế chính sách đầu tư xây dựng công trình và nghiệp vụ tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (Do cơ sở đào tạo . . . . . tổ chức từ ngày . . . . . đến ngày . . . . . Địa chỉ cơ sở đào tạo: . . . . .)

Đề nghị được nâng kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 thành kỹ sư định giá xây dựng hạng 1.

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung trong đơn này và cam kết hành nghề theo đúng chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**Người làm đơn***(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Phụ lục số 4****C. C THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN CỦA KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG***(Ban hành tại Thông báo số 7581/TB-SXD-QLNLHNXD**ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh)*

1. Tên cá nhân:
2. Địa chỉ thường trú:
  - Số điện thoại liên hệ:
  - E.mail:
  - Website:
3. Địa chỉ nơi công tác (nếu có):
4. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng số:
5. Cơ quan cấp chứng chỉ:
6. Hạng kỹ sư định giá xây dựng hiện tại:
7. Ngày, tháng, năm được chuyển hạng:
8. Trình độ chuyên môn: (văn bằng, chứng chỉ đã được cấp):

9. Những công việc liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã thực hiện đến thời điểm cập nhật thông tin (địa chỉ công trình nơi hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, cấp công trình, loại công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đang thực hiện...).

Số TT	Tên, địa chỉ, điện thoại cơ quan làm việc	Tên và địa chỉ công trình	Cấp công trình	Loại công việc tư vấn (theo Điều 3 Quy chế ban hành tại Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)	Tên, địa chỉ, điện thoại của chủ đầu tư
1					
2					
3					
4					

10. Những kiến nghị khác:

Ngày 15 tháng 12 năm \_\_\_\_\_

**Người báo cáo**  
(Ký và ghi họ tên)

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb@tphcm.gov.vn](mailto:tcb@tphcm.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**